TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2018
V/v "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Sức

2. Ông Nguyễn Hữu Hãn

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký TAND huyện Quế Võ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 79/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐST- HNGĐ ngày 01/10/2018, giữa các đương S:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Vĩnh Thế, Đại Xuân, Quế Võ, Bắc Ninh *(có mặt)*

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1982

Địa chỉ: Vĩnh Thế, Đại Xuân, Quế Võ, Bắc Ninh *(có mặt)*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: *(đều vắng mặt)*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1984

4. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Thôn Vĩnh Thế, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

5. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Ng kết hôn tháng 9/2006, trước khi cưới có được tự Ng tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Xuân. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn

nhau. Anh Ng hay ghen và đánh chị, cuộc sống hôn nhân ngày càng không hạnh phúc, đến tháng 11/2017, chị về nhà đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai bên cũng không có biên pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ, hơn nữa trước khi cưới chị thì anh Ng đã có con riêng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng.

- *Con chung*: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được 02 con chung là Nguyễn Quang Long, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 11/02/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Long ở với anh Ng, cháu Ngọc ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/1 con/1 tháng.

- *Tài sản chung*: Chị đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng bao gồm: 01 ngôi nhà 3 tầng đã hoàn thiện nằm trên diện tích đất khoảng 120m^2 thuộc thửa đất số 475, tờ bản đồ số 22, tên chủ sử dụng là hộ ông Nguyễn Văn C ở thôn Vĩnh Thế, xã Đại Xuân. Ngôi nhà này do vợ chồng chị xây dựng (năm 2010 xây tầng 1, đến giữa năm 2012 xây 2 tầng trên),01 mái tôn, 01 cổng sắt, 01 sân gạch, 01 tường bao, 01 tủ tôn 04 buồng.

Toàn bộ kinh phí xây nhà 3 tầng là của vợ chồng, bố mẹ chồng chỉ có công trông nom giúp vợ chồng chứ không cho tiền để xây ngôi nhà. Do nhà và tài sản trên đất nằm trên thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn C nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết phân chia về đất mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản trên đất do vợ chồng chị tạo dựng lên.

Ngoài ra, chị đề nghị phân chia đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm có: 01 bộ bàn ghế gỗ hương, 01 kệ để ti vi, 01 ti vi, 02 giường ngủ, 01 điện thoại Oppo và số tiền 30.000.000đ trong két sắt. Toàn bộ tài sản của vợ chồng và tiền mặt hiện anh Ng đang quản lý từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, chị đề nghị được lấy các tài sản như bộ bàn ghế gỗ hương và 01 chiếc giường, còn các tài sản khác chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 xe máy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ng, chị L đã thỏa thuận và giải quyết xong nên chị rút yêu cầu phân chia 02 chiếc xe máy và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Công nợ:* Không có. Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ng trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L năm 2006 trên cơ sở tự Ng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Xuân. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, đến năm 2017, chị L đã đưa cháu Ngọc về nhà đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ nên anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- *Con chung*: Trong thời gian chung sống có sinh được 02 con chung như chị L trình bày ở trên. Hiện tại, cháu Long đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ngọc được chị L nuôi dưỡng. Khi vợ chồng ly hôn, anh có Ng vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung*: Theo anh Ng trong thời gian vợ chồng chung sống có mua sắm được một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như chị L trình bày gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ hương, 01 kệ ti vi, 01 ti vi, 02 giường ngủ, 01 tủ tôn 4 buồng, 01két sắt, 01 điện thoại OPPO, hiện anh đang quản lý, khi Tòa án giải quyết ly hôn, anh sẽ trả lại chị L.

Khi chị L về nhà đẻ, trong két sắt có 30.000.000đồng tiền mặt là đúng nhưng không phải là tài sản của vợ chồng mà là tiền chị gái anh (chị Nguyễn Thị Ng) cho anh vay để đi chữa bệnh, sau đó anh không đi nên đã trả lại chị Ng. Khi anh vay tiền của chị Ng thì chị L không biết, lúc đó anh và chị L vẫn đang ở chung chưa sống ly thân.

Đối với 02 chiếc xe máy, vợ chồng đã tự chia xong nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại buổi định giá ngày 21/8/2018, các thành viên Hội đồng định giá và đại diện Tòa án, UBND xã Đại Xuân đã làm việc khách quan, có tham khảo giá theo thị trường, anh không có ý kiến gì về công việc của họ mà anh chỉ thấy giá tài sản cao hơn so với thực tế nên anh không ký.

- *Công nợ, công sức*: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: Năm 2006 gia đình ông tổ chức lễ cưới cho con trai là Nguyễn Văn Ng kết hôn với chị Nguyễn Thị L. Sau khi lấy nhau, vợ chồng ở chung với gia đình ông. Năm 2010, ông xây dựng cho vợ chồng 01 ngôi nhà ống 01 tầng trên một phần diện tích mà ông bà được sở hữu hợp pháp. Năm 2014, ông xây thêm cho 02 tầng nữa để thành ngôi nhà 03 tầng như hiện tại.

Nay chị L làm đơn ly hôn và yêu cầu chia tài sản là ngôi nhà 03 tầng nằm trên một phần diện tích đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông, quan điểm của ông về quan hệ hôn nhân thì đây là việc riêng của vợ chồng nên không can thiệp. Đối với 345m^2 đất là tài sản hợp pháp của ông và chưa tách sổ cho ai nên ông vẫn toàn quyền sở hữu phần diện tích đất này.

Đối với ngôi nhà 03 tầng vợ chồng L, Ng vẫn ở trong thời gian chung sống nằm trên phần diện tích của ông, lời khai đầu ông C cho rằng công sức đóng góp xây dựng lên ngôi nhà đó là của vợ chồng L, Ng và vợ chồng ông nhưng sau đó ông C cho rằng toàn bộ tài sản là đất và 02 ngôi nhà trên đất (01 ngôi nhà ông đang ở và 01

ngôi nhà vợ chồng L, Ng ở) đều là tài sản của vợ chồng ông, các con ông đều không có đóng góp gì vào số tài sản đó. Ông C không nhất trí với yêu cầu đòi chia tài sản chung là ngôi nhà 03 tầng hiện anh Ng đang ở nằm trên phần đất của ông, vì ông cho rằng toàn bộ kinh phí và công sức để xây ngôi nhà này là của vợ chồng ông, chị L không có quyền tranh chấp.

Đồ dùng sinh hoạt trong ngôi nhà đó là của chị L và anh Ng sắm được nên anh chị phân chia thế nào là quyền của anh chị, ông không can thiệp.

Tại phiên toà hôm nay chị L rút yêu cầu chia 30.000.000đồng và 01 điện thoại Oppo, anh Ng vẫn giữ nguyên lời khai trên. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của họ tại phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện Quế Võ tham gia phiên toà nhận xét:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ toạ đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân S trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân S.

Tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân S, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và liên tục.

Đương S thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân S. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân S.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 55, Điều 58, 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

Xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Ng.

Con chung: Giao cho anh Ng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang Long, sinh ngày 24/9/2007; giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 11/02/2012 kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết. Anh Ng, chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

- Tài sản: Xác định tài sản của anh Ng và chị L gồm: ngôi nhà 03 tầng (làm trên thửa đất số 475, tờ bản đồ số 22, diện tích 345m^2 ở thôn Đại Xuân, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ), 01 sân gạch, 01 cổng sắt, 01 mái tôn, 01 tường bao, 01 bộ bàn ghế gỗ hương, 01 kệ để ti vi, 01 ti vi, 02 giường ngủ, 01 tủ tôn bốn buồng là tài sản chung của vợ chồng anh Nguyễn Văn Ng và chị Nguyễn Thị L. Chia cho chị L được hưởng 1/2 giá trị tài sản bằng tiền. Do anh Ng không yêu cầu chia tài sản nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Ng kết hôn với nhau tháng 9/2006 trên cơ sở tự Ng, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định, vì vậy đây là hôn nhân

hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên không có lòng tin và S tôn trọng với nhau, không cùng quan điểm sống. Vì vậy từ tháng 11/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân với nhau, trong thời gian đó cả hai bên đều không có Ng vọng và mong muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L và được anh Nguyễn Văn Ng đồng ý là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận S tự Ng này của các bên.

- *Con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng sinh được hai con chung là Nguyễn Quang Long, sinh ngày 24/9/2007 và Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 11/02/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Long ở với anh Ng, cháu Ngọc ở với chị L. Nay cả hai bên đều có Ng vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Song xét đến hoàn cảnh, điều kiện thực tế của các bên cũng như bảo đảm được quyền lợi, trách nhiệm và S ổn định trong việc chăm sóc con chung cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay. Cụ thể: Giao cho anh Ng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang Long, sinh ngày 24/9/2007; giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 11/02/2012.

Cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết. Anh Ng, chị L đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

- *Tài sản:*

+ *Đất ở:* Thửa đất số 475, tờ bản đồ số 22, diện tích 345m^2 ở thôn Vĩnh Thế, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ,tỉnh Bắc Ninh (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn C) hiện không có tranh chấp và được các bên thừa nhận thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn C. Bản thân chị Nguyễn Thị L cũng không yêu cầu chia đất ở và công sức tu tạo, duy trì đối với thửa đất này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với thửa đất số 475, tờ bản đồ số 22, diện tích 356m^2 ở thôn Vĩnh Thế, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

+ *Nhà ở:* Ngôi nhà 3 tầng, diện tích 204,9m^2 làm trên thửa đất số 475 có trị giá 552.082.000đồng hiện đang có tranh chấp. Chị L cho rằng đó là tài sản chung của vợ chồng, còn anh Ng và ông C cho rằng đó là tài sản của vợ chồng ông C và không đồng ý chia.

Xét lời khai của các bên thì thấy: Tháng 9/2006, vợ chồng kết hôn Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình ông C đến năm 2007 thì ở riêng tại nhà ngang (nhưng vẫn chung đất), kinh tế độc lập, anh Ng lái xe tải thuê, chị L đi làm công nhân. Còn vợ chồng ông C chỉ làm ruộng không có nghề phụ.

Diện tích đất ở cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C được chia làm hai phần không bằng nhau, trên đó có 02 ngôi nhà (01 ngôi nhà vợ chồng anh K và vợ chồng ông C ở có diện tích lớn hơn; 01 ngôi nhà vợ chồng chị L ở), giữa hai ngôi nhà có xây tường ngăn trên đất, có lối đi và cổng riêng. Điều đó thể hiện S phân chia rõ ràng về quyền sở hữu cũng như mục đích sử dụng đất của các bên. Quá trình thu thập chứng

cứ, tài liệu để giải quyết vụ án thì gia đình ông C đã làm thủ tục chia đất cho vợ chồng chị L trong tổng số đất của gia đình từ năm 2017, tuy nhiên sau đó do vợ chồng chị L mâu thuẫn dẫn đến ly hôn nên việc chia đất được dừng lại.

Qua điều tra xác minh tại địa phương thì thấy: Vợ chồng ông C đã già, ngoài thu nhập từ làm ruộng thì không có thu nhập nào khác. Ngôi nhà vợ chồng C ở cùng con trai là ngôi nhà cũ, mới được sửa lại nhưng không có giá trị bằng ngôi nhà vợ chồng chị L đang ở. Như vậy có thể hiểu, với thu nhập của vợ chồng ông C thì không có khả năng để làm ngôi nhà cho chính mình ở chứ chưa nói vừa làm nhà cho vợ chồng chị L lại vừa sửa nhà cho mình được. Lời khai ban đầu tại tòa án ông C cũng thừa nhận công sức đóng góp của vợ chồng chị L trong quá trình xây nhà. Vì vậy, lời khai của ông C cho rằng ngôi nhà là do vợ chồng ông xây cho vợ chồng chị L, vợ chồng chị L không đóng góp gì là không có căn cứ.

Còn vợ chồng chị L đều có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, từ khi ở riêng (năm 2007), sau nhiều năm lao động, tích cóp và làm dần từ năm 2010 đến 2012 mới làm được nhà như chị L khai là có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay anh Ng trình bày: Nguồn tiền làm nhà cho vợ chồng là tiền do em trai anh đi nước ngoài gửi về, không phải tiền của vợ chồng ông C và vợ chồng anh. Tuy nhiên anh không nhớ rõ em trai anh đi nước ngoài từ bao giờ. Phía chị L xác nhận em trai anh Ng đi lao động cuối năm 2013, khi đi cả gia đình ông C phải vay tiền để lo đi nên không có tiền gửi về làm nhà cho vợ chồng.

Xét lời khai của anh Ng thì thấy: Ngôi nhà của vợ chồng được làm từ năm 2010 đến năm 2014 nhưng cuối năm 2013 em anh Ng mới đi nước ngoài nên không có cơ sở xác định nguồn tiền làm nhà cho vợ chồng là do em trai anh Ng gửi về. Hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Ng không khai về vấn đề này mà chỉ trình bày tại phiên tòa hôm nay, lời khai tại phiên tòa mâu thuẫn với lời khai trước đây của anh Ng về nguồn gốc số tiền làm nhà. Vì vậy lời khai tại phiên tòa của anh Ng không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định ngôi nhà 3 tầng xây trên đất là của vợ chồng chị L, ông C chỉ đóng góp công sức trông nom trong quá trình xây dựng. Tuy nhiên do ngôi nhà cùng 01 cổng sắt, 01 mái tôn, 01 sân gạch, 01 tường bao có tổng trị giá là 565.164.000đồng làm trên đất của hộ ông C nên khi chia cần giao cho hộ ông C (do ông C đại diện) sở hữu và buộc ông C phải trích chia tài sản trả chị L là phù hợp. Cụ thể: công sức đóng góp của ông C khoảng 65.164.000đồng, tài sản vợ chồng còn 500.000.000đồng nên trích chia cho chị L 250.000.000đồng là phù hợp.

Do anh Nguyễn Văn Ng xác định là nhà của ông C và không yêu cầu chia nhà, không nộp tạm ứng án phí; tại phiên tòa anh Ng vẫn khẳng định trong trường hợp ngôi nhà được Tòa án xác nhận là tài sản chung của vợ chồng thì anh cũng không yêu cầu chia. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét chia tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà cho anh Ng trong vụ án này. Khi nào anh Ng có yêu cầu chia ngôi nhà thì tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân S khác giữa anh Ng và hộ ông Nguyễn Văn C.

+ *Các tài sản khác gồm:* 01 bộ bàn ghế gỗ hương, 01 kệ ti vi, 01 ti vi, 02

giường ngủ, 01 két sắt, 01 tủ tôn 4 buồng, có tổng trị giá là 78.500.000đồng hiện do anh Ng quản lý và sử dụng. Khi ly hôn cần giao cho anh Ng sở hữu và buộc anh Ng phải trả chị L 1/2 giá trị tài sản bằng tiền là 39.250.000đồng.

Đối với 01 điện thoại Oppo, 02 xe máy, máy giặt, tủ lạnh và đồ dùng sinh hoạt trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ng, chị L đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và chia các tài sản trên.

Đối với 30.000.000đồng trong két sắt: Anh Ng và chị L đều thừa nhận là có, song theo anh Ng đây là tiền anh vay của chị gái để đi chữa bệnh, vì thế khi không đi chữa bệnh nữa anh đã mang trả lại. Còn chị L khai đây là tiền của vợ chồng nhưng chị không có chứng cứ chứng minh nguồn gốc của số tiền này, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị rút yêu cầu xác nhận tài sản chung của vợ chồng là 30.000.000đồng và không yêu cầu chia số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền 30.000.000đồng. Đồng thời không lấy lời khai của chị gái anh Ng để làm rõ nguồn gốc của số tiền trên.

- Công sức và nợ: Không có nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Đương S phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Lệ phí: Chị Nguyễn Thị L tự Ng chịu 5.000.000đồng lệ phí thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ 5.000.000đồng lệ phí thẩm định và định giá tài sản.

Đương S có quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Ng.

- Con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Ng nuôi con Nguyễn Quang Long, sinh ngày 24/9/2007; giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi con Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 11/02/2012 kể từ tháng 11/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết. Anh Ng, chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

- Tài sản: + Giao cho hộ ông Nguyễn Văn C do ông Nguyễn Văn C đại diện sở hữu: Ngôi nhà 3 tầng diện tích 204,9m^2, 01 cổng sắt, 01 mái tôn, 01 sân gạch, 01 tường bao, có tổng trị giá là 565.164.000đồng làm trên thửa đất số 475, tờ bản đồ số 22, diện tích 356m^2 ở thôn Vĩnh Thế, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Nhưng ông Nguyễn Văn C phải trích chia tài sản cho chị Nguyễn Thị L là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

+ Giao cho anh Nguyễn Văn Ng sở hữu: 01 bộ bàn ghế gỗ hương, 01 kệ ti vi, 01 ti vi, 02 giường ngủ, 01 két sắt, 01 tủ tôn 4 buồng, có tổng trị giá là

78.500.000đồng nhưng anh Nguyễn Văn Ng phải trả chị Nguyễn Thị L 39.250.000đ (*Ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

- Án phí: Anh Nguyễn Văn Ng và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 14.462.500 đồng án phí dân S sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp 17.640.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2013/04987 ngày 11/12/2017 của Chi cục THA dân S huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả chị Nguyễn Thị L 3.177.500 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2013/04987 ngày 11/12/2017 của Chi cục THA dân S huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Anh Nguyễn Văn Ng phải chịu 1.962.500đồng án phí dân S sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu 15.758.000đồng án phí dân S sơ thẩm.

- Lệ phí: Chị Nguyễn Thị L tự Ng chịu 5.000.000đồng lệ phí thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ 5.000.000đồng lệ phí thẩm định và định giá tài sản.

Án xử sơ thẩm, các đương S có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương S vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận :
- TAT, VKS tỉnh;
- VKS, THA huyện;
- Những người TGTT;
- Lưu HS- VP;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuyết Mai